

Teacher's name: Ms Ha Uyen

Phone: 0386.202.288

Student's name: .....

## Homework – Lesson 10: Final test

### PART 1: VOCABULARY + GRAMMAR. (10 points)

**I. Look and write the word.** (Nhìn và điền từ vào chỗ trống).



**II. Drag and drop the right words.** (Kéo và thả từ vào hình đúng).

tiger	beach	hide and seek	Happy birthday	window
violin	Ride my bike	dress	Merry christmas	queen



**III. Choose "This is" or "These are".** (Chọn "This is" hoặc "These are").

<p>1. ....his trousers.</p> <p>2. ....her shorts.</p> <p>3. ....his dress.</p>	<p>4. ....his jeans.</p> <p>5. ....her shirt.</p> <p>6. ....my shoes.</p>
--	---

**IV. Drag and drop the right words.** (Kéo và thả từ vào đáp án đúng).

- Numbers
Clothes
Around town
Free time Activities
Animals

1. twenty      fourteen      thirteen      eleven      \_\_\_\_\_
2. cow      pig      duck      goat      \_\_\_\_\_
3. zoo      beach      park      playground      \_\_\_\_\_
4. hide and seek      hopscotch      tag      soccer      \_\_\_\_\_
5. T-shirt      dress      pants      socks      \_\_\_\_\_

**V. Look at the letters and write the word.** (Nhìn vào chữ cái và điền từ thích hợp vào chỗ trống).

Pp	Qq	Rr	Ss
1. pen	1.....	1.....	1.....
2. penguin	2.....	2.....	2.....
Tt	Uu	Vv	Ww
1.....	1.....	1.....	1.....
2.....	2.....	2.....	2.....

**VI. Choose the word and write.** (Chọn từ và viết các từ theo chủ đề).

- hopscotch
bored
pants
read books
park
playground  
listen to music
hungry
shoes
beach
zoo
hide and seek  
shirt
great
trousers
scared

Around town	Feelings	Free time Activities	Clothes


**VII. Find the odd one out. And write.** (Viết từ khác nhóm với những từ còn lại).

1. penguin      pen      pencil      question      \_\_\_\_\_
2. goat      cow      pig      hopscotch      \_\_\_\_\_
3. hide and seek      violin      read books      eat snacks      \_\_\_\_\_
4. beach      park      zoo      listen to music      \_\_\_\_\_


**PART 2: READING.(10 points)**

**I.Choose and write answer.( Chọn và viết câu trả lời đúng ).**


**I read books      This is your shirt      No,they aren't      The ball is under the tree.  
 Yes, they are      This is an umbrella      These are my shorts      Yes, it is**

1. Are these her shoes ? 


.....

2. Is this your dress ? 


.....

3. What is this? 


.....

4. Are these his socks ? 


.....

5. What is this? 

.....

6. Where is the ball ? 

.....

7. What are these ? 

.....

8.What do you do in your free time?

.....

**II.Make a questions. (Đặt câu hỏi cho câu trả lời).**

**Where are you from ?      How many triangles are there ?      What shape is it ?  
 Where is the rabbit ?      What are these ?**

Example : **What are these ? - These are my shorts.**

1. ....? – There are twenty triangles.
2. ....? – These are her socks.
3. ....? – It is a square.
4. ....? – I am from Ha Noi.
5. ....? – The rabbit is under the tree.

**III.Read and write the missing words. (Đọc và điền từ còn thiếu).**

**G** Read. Write the missing words.



- 1 These \_\_\_\_\_ my shoes.
- 2 \_\_\_\_\_ are my socks.
- 3 These are \_\_\_\_\_ pants.
- 4 Is \_\_\_\_\_ your shirt?
- 5 \_\_\_\_\_ this your hat?

## Part 3: Listening ( 10 points )

I. Listen and tick V. (Nghe và đánh dấu V vào ô đúng). (TRACK 26).



II. Listen and number. (Nghe và đánh số). ( TRACK 28 )



III. Listen and circle. (Nghe và khoanh tròn). ( Track 3 )

Example:



1.



2.



3.



IV. Listen and tick V. (Nghe và đánh dấu V vào ô đúng). (Track 1).

Example:



1.



2.



3.

